

Bản án số: 194/2021/HNGĐ-ST

Ngày 17 /12/2021

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Minh Trực
2. Bà Lý Thị Thu Thúy

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lý Sơn Thanh Phong là Thư ký Tòa án N dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Kim N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: đường B, khu vực 6, phường III, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Ông H Lập T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: đường B, khu vực 6, phường III, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn bà N có mặt, bị đơn ông T có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

- Nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim N trình bày: Bà và ông H Lập T quen biết và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011, đến năm 2016 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân phường III, thành phố V, tỉnh Hậu Giang vào ngày 22/6/2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát

sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp, thường xuyên xảy ra cự cãi và vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2019. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H Lập T.

Về con chung: Có 01 con chung, tên Đỗ Như H, sinh ngày 15/9/2011, giới tính nữ. Hiện nay con chung do bà nuôi dưỡng, sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Bà yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền 2.000.000đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

**Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.**

**Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.**

- Bị đơn ông Huỳnh Lập T trình bày: Về quan hệ hôn nhân đúng như bà N trình bày. Ông và bà N có tìm hiểu nhau trước hôn nhân và chung sống với nhau như vợ chồng có một con chung vào năm 2011, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường III, thành phố V, tỉnh Hậu Giang vào năm 2016. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ của gia đình, nay ông còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Ông T xin được đoàn tụ cùng bà N.

Về con chung: Có 01 con chung, tên Đỗ Như H, sinh ngày 15/9/2011, giới tính nữ. Nếu ly hôn thì con theo ai thì người đó nuôi dưỡng, không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

**Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.**

**Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.**

- **Tại bản ý kiến của con chung Đỗ Như H thể hiện ý kiến: Cháu H có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.**

- Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn bà N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung; về cấp dưỡng nuôi con, bà N thay đổi yêu cầu không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn ông T không đồng ý ly hôn, nhưng bà N kiên quyết ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bà Đỗ Thị Kim N khởi kiện ông H Lập T địa chỉ đường Trần Ngọc Quế B, khu vực 6, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang; bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông T ly hôn, nuôi con nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “ly hôn và tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân thành phố Vị Thanh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn N: Bà Đỗ Thị Kim N và ông Huỳnh Lập T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân phường III, thành phố V ngày 22/6/2016 đúng theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn N của

bà N và ông T có giá trị pháp lý. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên N mâu thuẫn, bà N cho rằng do vợ chồng không đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cự cãi với nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Còn bị đơn ông T cho rằng, ông còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải hàn gắn nhưng không thành, tại phiên tòa bà N kiên quyết xin ly hôn và ông T đồng ý ly hôn; Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống chung giữa bà N và ông T không thể kéo dài, mục đích hôn N không đạt được, nên giải quyết cho bà N ly hôn ông T là có căn cứ và đúng quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung, tên Đỗ Như H, sinh ngày 15/9/2011, giới tính nữ. Bà N và ông T thừa nhận đây là con chung của vợ chồng có trước khi đăng ký kết hôn, hiện nay con chung do bà N nuôi dưỡng. Tại bản ý kiến của cháu H có nguyện vọng muốn sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Ông T thống nhất con theo ai thì người đó nuôi dưỡng; bà N có yêu cầu được nuôi con chung. Nên Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. **Dành cho ông T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.**

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, bà N thay đổi yêu cầu, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Nên ông T chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N.

[3] Án phí hôn nhân gia đình: Bà N phải chịu 300.000 đồng, được chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001020 ngày 11/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí, theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim N.

1. Về quan hệ hôn N: Bà Đỗ Thị Kim N được ly hôn với ông H Lập T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Đỗ Như H, sinh ngày 15/9/2011, (giới tính nữ) cho bà Đỗ Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Huỳnh Lập T không ai được quyền cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Huỳnh Lập T chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do bà Đỗ Thị Kim N không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Kim N phải chịu 300.000đồng, được chuyển 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001020 ngày 11/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V thành án phí.

Nguyên đơn Bà Đỗ Thị Kim N và bị đơn ông Huỳnh Lập T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND Tp V;
- Cơ quan THADS Tp V;
- UBND phường III, Tp V;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**Trần Thị Phương**